

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 22-9-2023

V/v "ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bạ và bà Vũ Thị Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường- Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 56/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc "ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2023/HNGĐ-ST ngày 06-9-2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1964

Nơi cư trú: Số 331, Khu dân cư T, phường S, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966

Nơi cư trú: Số 331, Khu dân cư T, phường S, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

(Ông Đ có đề nghị xét xử vắng mặt, bà T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-02-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Bùi Văn Đ trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 1988 tại UBND xã Tân Dân, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Do bị mất giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên ngày 25/6/2009 ông bà đã đi đăng ký lại tại UBND phường Tân Dân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống, tính cách dẫn đến thường xuyên cãi nhau, bà T nhiều lần xúc phạm chửi bới ông. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện và được hai bên khuyên bảo nhưng không khắc phục được. Do không giải quyết được mâu thuẫn nên từ đầu năm 2021 đến nay ông bà đã sống ly thân, dù chung nhà nhưng không ai quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà T.

Từ tháng 4/2023 đến nay bà T không có nhà do đến chăm sóc cháu cho con gái ở Hà Nội. Ông Đ đã thông báo việc ông khởi kiện ly hôn tại Tòa án, Tòa triệu tập đến làm việc cho con gái ông nhưng chị P (con gái ông) không cung cấp địa chỉ nhà cho ông nên ông không thể cung cấp cho Tòa án được. Việc bà T cố tình vắng mặt là gây khó khăn cho ông. Bố mẹ bà T đã chết, anh em ruột tuổi đã cao, không sống gần gia đình ông. Con trai ông là Bùi Tiến N do không đồng ý cho bố mẹ ly hôn nên không đồng ý để Tòa án lấy lời khai.

Tòa án cho xem nội dung 2 USB do con gái ông cung cấp là các đoạn tin nhắn của ông và chị T ở Sao Đỏ, nội dung tin nhắn chỉ là trêu đùa, ông không biết địa chỉ cụ thể của chị T ở đâu.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Bùi Thị Lan P, sinh ngày 15/4/1989 và Bùi Tiến N, sinh ngày 19/10/1994 hiện đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Thị T nhưng bà không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến trình bày với Tòa án.

Xác minh tại khu dân cư xác định: Ông Đ và bà T là người có đăng ký hộ khẩu tại KDC Trần Hưng Đạo, phường Sao Đỏ. Hiện nay ông Đ có mặt tại địa phương, bà T vắng mặt tại địa phương, ông Đ cung cấp là bà T đi trông cháu trên Hà Nội, không rõ địa chỉ cụ thể, thỉnh thoảng mới về qua nhà. Trong quá trình chung sống ông bà có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa ông Đ, bà T đều vắng mặt. Ông Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều

70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Bùi Văn Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Bùi Thị Lan P, sinh ngày 15/4/1989 và Bùi Tiến N, sinh ngày 19/10/1994 hiện nay đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Ông Bùi Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về tố tụng: Ông Bùi Văn Đ yêu cầu xin ly hôn bà Nguyễn Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu dân cư số nhà 331, khu dân cư Trần Hưng Đạo, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông Bùi Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà T theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị T được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Dân vào ngày 25-6-2009 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vợ chồng không còn tin tưởng vào tình cảm của nhau. Xác minh tại địa phương xác định quá trình chung ông Đ và bà T có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông Đ, bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của ông T được ly hôn bà Đ là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Bùi Thị Lan P sinh ngày 15/4/1989 và Bùi Tiến N sinh ngày 19/10/1994. Hiện nay các con đều đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án chưa có ý kiến của bà T về tài chung. Nếu sau này bà T và ông Đ tranh chấp về tài sản chung thì có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí lệ phí; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Bùi Văn Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Bùi Thị Lan P sinh ngày 15/4/1989 và Bùi Tiến N, sinh ngày 19/10/1994. Hiện nay các con đều đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Ông Bùi Văn Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0003698 ngày 07-3-2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh. Ông Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Đường sự;
- UBND phường Tân Dân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt